

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 318/TBHH-TCTBDATHHNM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ký bởi: Tổng Công Ty Bảo
Đảm An Toàn Hàng Hải
Miền Nam
Ký ngày: 24.12.2021
17:24:16

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 12 năm 2021

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Thông số kỹ thuật hệ thống báo hiệu hàng hải Luồng hàng hải Đầm Môn

KHA - TG - 21 - 2021

- Vùng biên: Tỉnh Khánh Hòa
- Tên luồng: Luồng hàng hải Đầm Môn
- Tên báo hiệu: Phao báo hiệu hàng hải số "0", "ĐN", "E", "W"; Đăng tiêu "NB", "1", "2", "4"; Chập tiêu "AB".

Căn cứ văn bản số 1058/CTBDATHHNTB-KT ngày 22/12/2021 của Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ về việc hoàn thành thi công lắp đặt đèn báo hiệu cho hệ thống báo hiệu hàng hải hiện hữu trên luồng hàng hải Đầm Môn và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật hệ thống báo hiệu hàng hải Luồng hàng hải Đầm Môn với những đặc tính nhận biết như sau:

- Vị trí thiết lập báo hiệu: Luồng hàng hải Đầm Môn.
- Tọa độ địa lý:

Tên báo hiệu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
Phao "0"	12°32'48,3"N	109°25'32,8"E	12°32'44,6"N	109°25'39,3"E
Phao "ĐN"	12°33'28,8"N	109°25'57,7"E	12°33'25,1"N	109°26'04,2"E
Phao "E"	12°40'31,4"N	109°23'37,2"E	12°40'27,7"N	109°23'43,7"E
Phao "W"	12°40'14,0"N	109°23'57,0"E	12°40'10,3"N	109°24'03,5"E
Đăng tiêu nhập bờ "NB"	12°33'52,3"N	109°25'49,9"E	12°33'48,6"N	109°25'56,4"E
Đăng tiêu "1"	12°36'30,1"N	109°23'44,4"E	12°36'26,4"N	109°23'50,9"E
Đăng tiêu "2"	12°37'28,6"N	109°22'59,4"E	12°37'24,9"N	109°23'05,9"E
Đăng tiêu "4"	12°40'13,7"N	109°23'30,8"E	12°40'10,0"N	109°23'37,3"E
Tiêu A - Chập tiêu "AB"	12°38'48,6"N	109°22'24,6"E	12°38'44,9"N	109°22'31,1"E
Tiêu B - Chập tiêu "AB"	12°39'35,4"N	109°22'00,6"E	12°39'31,7"N	109°22'07,1"E

ĐẶC ĐIỂM NHẬN BIẾT

1. Phao báo hiệu số "0"

- Tác dụng: Báo hiệu vùng nước an toàn, tàu thuyền có thể hành trình xung quanh vị trí đặt báo hiệu;

1.1. Đặc tính nhận biết ban ngày:

- Đường kính: 2,6m;
- Hình dạng: Hình tháp;
- Màu sắc: Sọc thẳng đứng màu trắng và đỏ xen kẽ;
- Dấu hiệu đỉnh: Một hình cầu màu đỏ;
- Số hiệu: Kê số "0", màu đen;
- Chiều cao toàn bộ: 5,17 m tính đến mực nước;
- Tầm nhìn địa lý: $1,5 \div 1,8$ hải lý;
- Tầm hiệu lực ban ngày: 1,8 hải lý.

1.2. Đặc tính nhận biết ban đêm:

- Đặc tính ánh sáng: Ánh sáng trắng, chớp theo tín hiệu mã Morse chữ "A" chu kỳ 6,0 giây;

- Phạm vi chiếu sáng: 360^0 ;
- Chiều cao tâm sáng: 4,21 m tính đến mực nước;
- Tầm hiệu lực: 2,5 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển $T = 0,74$.

2. Phao báo hiệu "ĐN"

- Tác dụng: Báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, tàu thuyền có thể hành trình xung quanh vị trí đặt báo hiệu;

2.1. Đặc tính nhận biết ban ngày:

- Đường kính: 2,6m;
- Hình dạng: Hình tháp lưới;
- Màu sắc: Màu đen với một dải màu đỏ nằm ở giữa bằng $1/3$ chiều cao phần nổi;
- Dấu hiệu đỉnh: Hai hình cầu màu đen đặt liên tiếp nhau theo chiều thẳng đứng;
- Số hiệu: Kê chữ "ĐN", màu trắng;
- Chiều cao toàn bộ: 5,17 m tính đến mực nước;
- Tầm nhìn địa lý: $1,5 \div 1,8$ hải lý;
- Tầm hiệu lực ban ngày: 1,8 hải lý.

2.2. Đặc tính nhận biết ban đêm:

- Đặc tính ánh sáng: Ánh sáng trắng, chớp nhóm (2), chu kỳ 5,0 giây;
- Phạm vi chiếu sáng: 360^0 ;
- Chiều cao tâm sáng: 4,21 m tính đến mực nước;
- Tầm hiệu lực: 2,5 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển $T = 0,74$.

3. Phao báo hiệu "E"

- Tác dụng: Báo hiệu an toàn phía Đông, tàu thuyền được phép hành trình ở phía Đông của báo hiệu;

3.1. Đặc tính nhận biết ban ngày:

- Đường kính : 2,0 m;

- Hình dạng: Hình tháp;
- Màu sắc: Màu đen với một dải màu vàng nằm ngang ở giữa có chiều cao bằng 1/3 chiều cao phần nổi của báo hiệu;
- Dấu hiệu đỉnh: Hai hình nón màu đen đặt liên tiếp nhau theo chiều thẳng đứng, đáy hình nón nổi tiếp nhau;
- Số hiệu: Kê chữ "E", màu đỏ trên nền vàng;
- Chiều cao toàn bộ: 4,78 m tính đến mực nước;
- Tầm nhìn địa lý: 1,5 ÷ 1,8 hải lý;
- Tầm hiệu lực ban ngày: 1,5 hải lý.

3.2. Đặc tính nhận biết ban đêm:

- Đặc tính ánh sáng: Ánh sáng trắng, chớp nhóm (3), chu kỳ 5,0 giây;
- Phạm vi chiếu sáng: 360°;
- Chiều cao tâm sáng: 3,85 m tính đến mực nước;
- Tầm hiệu lực: 2,5 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển $T = 0,74$.

4. Phao báo hiệu "W"

- Tác dụng: Báo hiệu an toàn phía Tây, tàu thuyền được phép hành trình ở phía Tây của báo hiệu;

4.1. Đặc tính nhận biết ban ngày:

- Đường kính: 2,0 m;
- Hình dạng: Hình tháp;
- Màu sắc: Màu vàng với một dải màu đen nằm ngang ở giữa có chiều cao bằng 1/3 chiều cao phần nổi của báo hiệu;
- Dấu hiệu đỉnh: Hai hình nón màu đen đặt liên tiếp nhau theo chiều thẳng đứng, đỉnh hình nón nổi tiếp nhau;

- Số hiệu: Kê chữ "W", màu trắng trên nền đen;
- Chiều cao toàn bộ: 4,78 m tính đến mực nước;
- Tầm nhìn địa lý: 1,5 ÷ 1,8 hải lý;
- Tầm hiệu lực ban ngày: 1,5 hải lý.

4.2. Đặc tính nhận biết ban đêm:

- Đặc tính ánh sáng: Ánh sáng trắng, chớp nhóm (9), chu kỳ 10,0 giây;
- Phạm vi chiếu sáng: 360°;
- Chiều cao tâm sáng: 3,85 m tính đến mực nước;
- Tầm hiệu lực: 2,5 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển $T = 0,74$.

5. Đăng tiêu nhập bờ "NB"

5.1. Đặc tính nhận biết ban ngày:

- Chiều rộng trung bình: Đường kính 1,2 m;
- Màu sắc: Sọc ngang đen trắng xen kẽ;
- Dấu hiệu đỉnh: Hình tam giác, sơn màu đen trắng xen kẽ;
- Chiều cao toàn bộ: 30,61 m tính đến mực nước số "0" hải đồ;

- Tầm nhìn địa lý: 2,0 hải lý;
- Tầm hiệu lực ban ngày: 2,0 hải lý.

5.2. Đặc tính nhận biết ban đêm:

- Đặc tính ánh sáng: Ánh sáng trắng, chớp nhóm (2+1), chu kỳ 15 giây;
- Phạm vi chiếu sáng: 360^0 ;
- Chiều cao tâm sáng: 30,59 m tính đến mực nước số "0" hải đồ;
- Tầm hiệu lực ánh sáng: 5,0 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển $T=0,74$.

6. Đăng tiêu số "1"

- Tác dụng: Báo hiệu giới hạn luồng về phía phải, tàu thuyền được phép hành trình ở phía trái của báo hiệu.

6.1. Đặc tính nhận biết ban ngày:

- Hình dạng: Hình trụ;
- Chiều rộng trung bình: Đường kính 1,8 m;
- Màu sắc: Sọc ngang trắng - xanh xen kẽ;
- Chiều cao toàn bộ: 14,86 m tính đến mực nước số "0" hải đồ;
- Tầm nhìn địa lý: 2,0 hải lý;
- Tầm hiệu lực ban ngày: 2,0 hải lý;
- Số hiệu: Chữ "ĐT1" màu xanh trên nền trắng.

6.2. Đặc tính nhận biết ban đêm:

- Đặc tính ánh sáng: Ánh sáng màu xanh lục, chớp đơn, chu kỳ 3 giây;
- Phạm vi chiếu sáng: 360^0 ;
- Chiều cao tâm sáng: 14,84 m tính đến mực nước số "0" hải đồ;
- Tầm hiệu lực ánh sáng: 4 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển $T=0,74$.

7. Đăng tiêu số "2"

- Tác dụng: Báo hiệu giới hạn luồng về phía trái, tàu thuyền được phép hành trình ở phía phải của báo hiệu.

7.1. Đặc tính nhận biết ban ngày:

- Hình dạng: Hình trụ;
- Chiều rộng trung bình: Đường kính 1,8 m;
- Màu sắc: Sọc ngang trắng - đỏ xen kẽ;
- Chiều cao toàn bộ: 10,96 m tính đến mực nước số "0" hải đồ;
- Tầm nhìn địa lý: 2,0 hải lý;
- Tầm hiệu lực ban ngày: 2,0 hải lý;
- Số hiệu: Chữ "ĐT2" màu đỏ trên nền trắng.

7.2. Đặc tính nhận biết ban đêm:

- Ánh sáng màu đỏ, chớp đơn, chu kỳ 3 giây;
- Phạm vi chiếu sáng: 360^0 ;
- Chiều cao tâm sáng: 10,94 m tính đến mực nước số "0" hải đồ;

- Tầm hiệu lực ánh sáng: 4,0 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển $T=0,74$.

8. Đăng tiêu số “4”

- Tác dụng: Báo hiệu giới hạn luồng về phía trái, tàu thuyền được phép hành trình ở phía phải của báo hiệu.

8.1. Đặc tính nhận biết ban ngày:

- Hình dạng: Hình trụ;
- Chiều rộng trung bình: Đường kính 1,8 m;
- Màu sắc: Sọc ngang trắng – đỏ xen kẽ;
- Chiều cao toàn bộ: 11,66 m tính đến mực nước số “0” hải đồ;
- Tầm nhìn địa lý: 2,0 hải lý;
- Tầm hiệu lực ban ngày: 2,0 hải lý;
- Số hiệu: Chữ “ĐT4” màu đỏ trên nền trắng.

8.2. Đặc tính nhận biết ban đêm:

- Ánh sáng màu đỏ, chớp đơn, chu kỳ 3 giây;
- Phạm vi chiếu sáng: 360^0 ;
- Chiều cao tâm sáng: 11,64 m tính đến mực nước số “0” hải đồ;
- Tầm hiệu lực ánh sáng: 2,5 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển $T=0,74$.

9. Chập tiêu hàng hải “AB”

9.1. Đăng tiêu trước “A”

Tác dụng: Định hướng tìm luồng cùng với tiêu B tạo thành đường ngầm $333^038'-153^038'$.

a. Đặc tính nhận biết ban ngày:

- Hình dạng: Hình tháp lưới;
- Chiều rộng trung bình: Đường kính 2,0 m;
- Màu sắc: Toàn thân màu trắng;
- Chiều cao toàn bộ: 60,41 m tính đến mực nước số “0” hải đồ;
- Tầm nhìn địa lý: 6,1 hải lý;
- Tầm hiệu lực ban ngày: 6,1 hải lý;
- Số hiệu: Chữ “A” màu đỏ trên nền trắng.

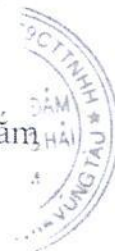
b. Đặc tính nhận biết ban đêm:

- Ánh sáng trắng, chớp nhóm (3), chu kỳ 10 giây (chớp đồng bộ);
- Phạm vi chiếu sáng: 360^0 ;
- Chiều cao tâm sáng: 60,29 m tính đến mực nước số “0” hải đồ;
- Tầm hiệu lực ánh sáng: 8,0 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển $T=0,74$.

9.2. Đăng tiêu sau “B”

- Tác dụng: Định hướng tìm luồng cùng với tiêu A tạo thành đường ngầm $333^038'-153^038'$.

a. Đặc tính nhận biết ban ngày:



- Hình dạng: Hình tháp lưới;
- Chiều rộng trung bình: Đường kính 3,0 m;
- Màu sắc: Toàn thân màu trắng;
- Chiều cao toàn bộ: 82,91 m tính đến mực nước số “0” hải đồ;
- Tầm nhìn địa lý: 7,0 hải lý;
- Tầm hiệu lực ban ngày: 7,0 hải lý;
- Số hiệu: Chữ “B” màu đỏ trên nền trắng.

b. Đặc tính nhận biết ban đêm:

- Ánh sáng trắng, chớp nhóm (3), chu kỳ 10 giây (chớp đồng bộ);
- Phạm vi chiếu sáng: 360^0 ;
- Chiều cao tâm sáng: 82,79 m tính đến mực nước số “0” hải đồ;
- Tầm hiệu lực ánh sáng: 8,0 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển $T=0,74$.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Các phương tiện hành trình trên tuyến luồng hàng hải Đàm Môn theo hướng dẫn của hệ thống báo hiệu hàng hải để đảm bảo an toàn hàng hải, tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Nha Trang. /.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Nha Trang;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV VIII;
- Công ty TNHH MTV TT điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH_{Bình}

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đinh Thái Công



Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
 - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- 7 Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Cty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
 - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
 - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
 - Cty Vận tải Biển Bắc
- 10 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)
- 11 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- 12 Cty CP Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam(VOSCO)
- 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- 16 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 17 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 18 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 19 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM
- 20 Cty CP Cảng Sài Gòn
- 21 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 22 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 23 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng
- 24 Bộ đội Biên phòng tỉnh Khánh Hòa
- 25 Sở Giao thông vận tải tỉnh Khánh Hòa
- 26 Sở NN&PTNT tỉnh Khánh Hòa
- 27 Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV VII
- 28 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ